

Số: 3<sup>4</sup>/2019/TT-BCT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2019

## THÔNG TƯ

### Quy định về hệ thống thông tin năng lượng

*Căn cứ Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ngày 28 tháng 6 năm 2010 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 28/2018/QH14 ngày 15 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2011/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;*

*Căn cứ Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ quy định về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo;*

*Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về hệ thống thông tin năng lượng.*

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về việc thiết lập, quản lý vận hành hệ thống thông tin năng lượng và tổ chức, xây dựng, khai thác cơ sở dữ liệu năng lượng.

#### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động cung cấp, thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin năng lượng.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan đến công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin năng lượng (sau đây gọi tắt là Bộ, ngành).

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thông tin năng lượng.

#### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Thông tin năng lượng là các số liệu, dữ liệu, thông tin về cung cấp, chuyển đổi và sử dụng năng lượng; đặc điểm kỹ thuật của hạ tầng cơ sở năng lượng; giá

năng lượng; chỉ tiêu thống kê năng lượng và các thông tin khác liên quan đến năng lượng.

2. Hệ thống thông tin năng lượng là hệ thống thu thập, xử lý, lưu trữ, khai thác và cung cấp thông tin năng lượng phục vụ cho mục đích quản lý nhà nước về năng lượng và phát triển kinh tế xã hội.

3. Cơ sở dữ liệu năng lượng là tập hợp có cấu trúc các dữ liệu và thông tin năng lượng, được biên soạn, lưu trữ, sắp xếp có hệ thống theo một phương pháp nhất định để có thể truy cập, khai thác, quản lý và cập nhật thông qua phương tiện điện tử.

4. Đơn vị đầu mối hệ thống thông tin năng lượng (sau đây gọi tắt là Đơn vị đầu mối) là đơn vị được Bộ Công Thương quy định chức năng, giao nhiệm vụ thu thập, xử lý, lưu trữ, công bố thông tin năng lượng và quản lý cơ sở dữ liệu năng lượng.

5. Đơn vị báo cáo, cung cấp thông tin năng lượng (sau đây gọi tắt là Đơn vị báo cáo) là các cơ quan, tổ chức thực hiện việc cung cấp các thông tin năng lượng theo chế độ báo cáo quy định tại Điều 7 Thông tư này.

6. Đơn vị phối hợp, trao đổi cung cấp thông tin năng lượng (sau đây gọi tắt là Đơn vị phối hợp) là đơn vị được các Bộ, ngành giao chức năng quản lý, xử lý thông tin, dữ liệu có liên quan đến thông tin năng lượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

7. Tồn kho đầu năm là lượng nguyên vật liệu hoặc sản phẩm được lưu trữ trong kho của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 của năm báo cáo.

8. Tồn kho cuối năm là lượng nguyên vật liệu hoặc sản phẩm được lưu trữ trong kho của doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 của năm báo cáo.

#### **Điều 4. Nguyên tắc chung**

1. Thu thập đầy đủ, toàn diện và chính xác thông tin năng lượng.
2. Quản lý, lưu trữ, bảo quản thông tin năng lượng và xây dựng cơ sở dữ liệu năng lượng đảm bảo sử dụng lâu dài, an toàn thông tin.
3. Hiệu quả, khả thi, tiết kiệm chi phí, nguồn lực.
4. Công bố, cung cấp, khai thác, sử dụng thuận tiện, kịp thời cho các đối tượng theo quy định của pháp luật.
5. Bảo mật thông tin cho các tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin năng lượng.

## **Chương II**

### **THU THẬP, XỬ LÝ, TỔNG HỢP VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN NĂNG LƯỢNG**

#### **Điều 5. Nội dung thông tin năng lượng**

1. Thông tin cân bằng cung cầu năng lượng.
  - a) Thông tin, số liệu cung cấp năng lượng sơ cấp;

- b) Thông tin, số liệu sản xuất và chuyển đổi năng lượng;
- c) Thông tin, số liệu tiêu thụ năng lượng cuối cùng và phi năng lượng.

2. Thông tin đặc điểm kỹ thuật cơ sở hạ tầng năng lượng.

a) Nhà máy điện;

b) Nhà máy sản xuất điện, nhiệt tự dùng hoặc đồng phát;

c) Đường dây và trạm điện;

d) Nhà máy lọc dầu và chế biến khí ngưng tụ (sau đây gọi tắt là chế biến condensate);

đ) Nhà máy chế biến khí tự nhiên;

e) Nhà máy sản xuất và trạm phối trộn nhiên liệu sinh học;

g) Nhà máy sản xuất khí thiên nhiên nén (sau đây gọi tắt là CNG);

h) Nhà máy sản xuất và chuyển đổi năng lượng khác.

3. Thông tin giá năng lượng bình quân hàng năm.

a) Than;

b) Khí tự nhiên;

c) Sản phẩm dầu mỏ;

d) Điện;

đ) Các dạng năng lượng khác.

4. Các thông tin khác theo tiêu chuẩn thống kê năng lượng quốc tế thuộc trách nhiệm công bố của Bộ Công Thương.

## **Điều 6. Kế hoạch thu thập thông tin năng lượng**

1. Căn cứ lập kế hoạch thu thập thông tin năng lượng.

a) Theo yêu cầu của công tác quản lý nhà nước về năng lượng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh;

b) Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

c) Theo các chương trình, đề án, dự án, đề tài, nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thông tin năng lượng được thu thập định kỳ và đột xuất, bao gồm:

a) Báo cáo năm: thực hiện định kỳ hàng năm có thời gian chốt số liệu tính từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12.

b) Báo cáo đột xuất: thực hiện trong trường hợp có yêu cầu đột xuất để phục vụ quản lý nhà nước.

## **Điều 7. Thu thập thông tin năng lượng của các Đơn vị báo cáo**

1. Thông tin năng lượng được thu thập trên cơ sở báo cáo của Đơn vị báo cáo được quy định tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo các mẫu số liệu báo cáo lưu trữ tại trang thông tin điện tử hệ thống thông tin năng lượng.

3. Hình thức báo cáo.

a) Văn bản giấy có chữ ký, đóng dấu của thủ trưởng đơn vị hoặc người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền gửi về Đơn vị đầu mối;

b) Văn bản điện tử gửi về hệ thống phần mềm chế độ báo cáo điện tử trên trang thông tin điện tử hệ thống thông tin năng lượng địa chỉ [www.veis.erea.gov.vn](http://www.veis.erea.gov.vn) hoặc về địa chỉ email [veis@moit.gov.vn](mailto:veis@moit.gov.vn).

4. Thời hạn báo cáo là trước ngày 31 tháng 3 của năm tiếp sau năm báo cáo.

### **Điều 8. Thu thập thông tin năng lượng của các Đơn vị phối hợp**

1. Thông tin năng lượng được thu thập bao gồm:

a) Thông tin về tiêu thụ năng lượng trong ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản theo loại nhiên liệu;

b) Thông tin về số lượng, tiêu thụ năng lượng trung bình, quãng đường di chuyển trung bình, tổng tiêu thụ năng lượng đối với các phương tiện giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và đường hàng không theo loại nhiên liệu;

c) Thông tin về lượng và trị giá xuất nhập khẩu sản phẩm năng lượng theo mã hàng hóa;

d) Các chỉ tiêu kinh tế xã hội; giá trị gia tăng của các phân ngành kinh tế; dữ liệu từ các chương trình khảo sát doanh nghiệp và hộ gia đình;

e) Thông tin về tổng diện tích sàn, tiêu thụ năng lượng của các tòa nhà thương mại, dân dụng theo loại tòa nhà, theo loại nhiên liệu và theo mục đích sử dụng.

2. Hình thức cung cấp thông tin.

a) Văn bản giấy có xác nhận của lãnh đạo Đơn vị phối hợp gửi về Đơn vị đầu mối;

b) Văn bản điện tử gửi về hệ thống phần mềm chế độ báo cáo điện tử trên trang thông tin điện tử hệ thống thông tin năng lượng theo địa chỉ [veis.erea.gov.vn](http://veis.erea.gov.vn) hoặc về địa chỉ email [veis@moit.gov.vn](mailto:veis@moit.gov.vn).

3. Thời hạn cung cấp thông tin theo các thỏa thuận, hợp tác trao đổi thông tin.

### **Điều 9. Thu thập thông tin năng lượng thông qua điều tra, khảo sát**

1. Thông tin năng lượng được thu thập trên cơ sở điều tra, khảo sát do Đơn vị đầu mối tổ chức thực hiện theo kế hoạch để bổ sung các thông tin chưa thu thập được theo quy định tại Điều 7 và Điều 8 Thông tư này.

2. Hoạt động điều tra thực hiện theo quy định của pháp luật về điều tra thống kê.

## **Điều 10. Cơ chế phối hợp thu thập thông tin năng lượng**

1. Đơn vị đầu mối ký kết thỏa thuận, thỏa ước, quy chế phối hợp để thực hiện thu thập, trao đổi và cung cấp thông tin với Đơn vị phối hợp theo các nội dung được quy định tại Điều 8 tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác liên quan.

2. Đơn vị đầu mối ký kết hợp đồng với đơn vị đủ năng lực để tiến hành các điều tra, khảo sát thu thập bổ sung các thông tin năng lượng cần thiết phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

## **Điều 11. Công bố, cung cấp và sử dụng thông tin năng lượng**

1. Thông tin năng lượng được công bố dưới dạng ấn phẩm, bao gồm các thông tin cơ bản như sau:

a) Tổng quan và xu thế phát triển năng lượng quốc gia;  
b) Bảng quyết toán và cân bằng cung cầu năng lượng;  
c) Dữ liệu thông tin theo chuỗi thời gian về khai thác, xuất nhập khẩu, sản xuất, chuyển đổi và tiêu thụ của các loại nhiên liệu điện, than, dầu khí, năng lượng mới và năng lượng tái tạo;

d) Dữ liệu thông tin theo chuỗi thời gian về công suất nguồn điện và sản lượng điện theo nhiên liệu, sản lượng tiêu thụ điện theo các ngành kinh tế, phụ tải cực đại hệ thống điện, hệ số dự phòng hệ thống điện, tỷ lệ số xã có điện, tỷ lệ số hộ dân có điện và các chỉ số về độ tin cậy cung cấp điện hệ thống;

đ) Các chỉ tiêu thống kê năng lượng tổng hợp: tổng cung cấp năng lượng sơ cấp, cường độ năng lượng sơ cấp trên tổng sản phẩm quốc nội (sau đây gọi tắt là GDP), cung cấp năng lượng sơ cấp trên đầu người; mức độ phụ thuộc năng lượng nhập khẩu trong tổng cung cấp năng lượng sơ cấp; tổng tiêu thụ năng lượng cuối cùng, cường độ năng lượng sơ cấp trên GDP, tiêu thụ năng lượng cuối cùng trên đầu người; mức độ đa dạng hóa năng lượng, tỷ trọng nhiên liệu trong cung cấp năng lượng sơ cấp và tiêu thụ năng lượng cuối cùng;

e) Các chỉ tiêu năng lượng tái tạo: tỷ trọng năng lượng tái tạo trong cung cấp năng lượng sơ cấp, sản xuất điện, tiêu thụ năng lượng cuối cùng; các chỉ tiêu phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực năng lượng, sản xuất công nghiệp, công nghiệp chế tạo và xây dựng, giao thông vận tải và trong các phân ngành khác;

g) Thực hiện so sánh các chỉ tiêu thống kê năng lượng của Việt Nam với một số quốc gia trong khu vực và thế giới.

2. Thông tin năng lượng được công bố trên trang thông tin điện tử hệ thống thông tin năng lượng theo địa chỉ [www.veis.erea.gov.vn](http://www.veis.erea.gov.vn).

3. Thông tin năng lượng được cung cấp, sử dụng theo các nhóm sau:

a) Chia sẻ công khai cho cộng đồng;

b) Cung cấp theo nghĩa vụ, trách nhiệm trong thỏa thuận giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các tổ chức quốc tế;

c) Cung cấp theo đề nghị của các tổ chức, cá nhân có liên quan để phục vụ mục đích quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

#### **HỆ THỐNG THÔNG TIN NĂNG LƯỢNG**

##### **Điều 12. Thiết lập và vận hành hệ thống**

1. Đơn vị đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thiết lập, vận hành hệ thống thông tin năng lượng, cơ sở dữ liệu năng lượng, trang thông tin điện tử hệ thống thông tin năng lượng.

2. Đơn vị đầu mối trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề xuất bố trí nguồn nhân lực, kinh phí cho việc thiết lập và vận hành hệ thống.

##### **Điều 13. Cơ sở hạ tầng và biện pháp quản lý hệ thống**

1. Cơ sở hạ tầng của hệ thống thông tin năng lượng cơ bản bao gồm:

a) Phòng máy chủ đảm bảo cho việc vận hành hệ thống thông tin năng lượng, bao gồm hệ thống cấp điện, chiếu sáng, thiết bị lưu điện, tủ đựng thiết bị, điều hòa không khí, thiết bị phòng và chữa cháy, ca-me-ra giám sát, thiết bị kiểm soát ra hoặc vào;

b) Thiết bị máy chủ;

c) Thiết bị lưu trữ và sao lưu dữ liệu;

d) Thiết bị an toàn, an ninh và bảo mật thông tin;

đ) Trang thiết bị phục vụ việc truy nhập, khai thác và cập nhật thông tin.

e) Phần mềm cơ sở hạ tầng bao gồm hệ điều hành và các phần mềm liên quan;

g) Phần mềm chuyên dụng phục vụ tính toán hoặc dự toán mô hình, bóc tách và chuyển đổi dữ liệu;

h) Thiết bị số hóa và tạo dựng nội dung số;

i) Thiết bị truyền thông và đường truyền.

2. Biện pháp quản lý hệ thống.

a) Thường xuyên giám sát, bảo trì hoạt động của hệ thống đảm bảo vận hành liên tục an toàn;

b) Định kỳ rà soát, đề xuất phương án duy trì, nâng cấp, phát triển hạ tầng hệ thống cho phù hợp với nhu cầu thực tế trong từng thời kỳ.

##### **Điều 14. Kinh phí đảm bảo hoạt động của hệ thống**

1. Kinh phí đảm bảo cho việc thiết lập, vận hành, duy trì và phát triển hệ thống thông tin năng lượng từ các nguồn sau:

a) Ngân sách nhà nước cấp trên cơ sở dự toán hàng năm của Bộ Công Thương;

- b) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài;
- c) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển hệ thống thông tin năng lượng bao gồm:

- a) Đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn nhân lực phục vụ xây dựng, vận hành, duy trì và phát triển hệ thống thông tin năng lượng;
- b) Hoạt động nghiên cứu và đào tạo phục vụ công tác quản lý, vận hành, duy trì và khai thác hệ thống thông tin năng lượng;
- c) Điều tra, khảo sát, thu thập, xử lý, cập nhật, tích hợp thông tin vào hệ thống thông tin năng lượng;
- d) Thực hiện các hoạt động bảo đảm an toàn, an ninh và bảo mật thông tin.

3. Đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm tổng hợp dự toán kinh phí hàng năm từ các nguồn kinh phí quy định tại khoản 1 Điều này.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Công Thương**

1. Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo.

- a) Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo là Đơn vị đầu mối thực hiện các hoạt động thiết lập và quản lý vận hành hệ thống thông tin năng lượng;
- b) Xây dựng và hướng dẫn thực hiện quy trình quản lý vận hành đảm bảo an toàn hệ thống và bảo mật thông tin;
- c) Xây dựng và hướng dẫn quy trình thực hiện báo cáo; tổ chức các hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực cần thiết đối với các Đơn vị báo cáo, Đơn vị phối hợp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thu thập thông tin năng lượng;
- d) Tổ chức thực hiện tiếp nhận, kiểm tra, xác thực nội dung thông tin từ các báo cáo, số liệu điều tra, khảo sát và chịu trách nhiệm về nội dung thông tin, dữ liệu được cập nhật vào cơ sở dữ liệu năng lượng.

2. Cục Điều tiết Điện lực: cung cấp, cập nhật số lượng doanh nghiệp được cấp giấy phép hoạt động điện lực, số lượng và công suất các nhà máy điện tham gia thị trường điện và các thông tin năng lượng khác thuộc chức năng quản lý của đơn vị;

3. Vụ Tiết kiệm năng lượng và Phát triển bền vững: cung cấp, cập nhật thông tin về cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm hàng năm và các thông tin năng lượng khác thuộc chức năng quản lý của đơn vị;

4. Vụ Dầu khí và Than: cung cấp, cập nhật thông tin về trữ lượng dầu khí, than và các thông tin năng lượng khác thuộc chức năng quản lý của đơn vị;

5. Viện Năng lượng: cung cấp, cập nhật thông tin về dự báo nhu cầu năng lượng, triển vọng năng lượng và các thông tin năng lượng khác thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

6. Các đơn vị tại khoản 2, 3, 4, 5 Điều này có trách nhiệm gửi văn bản báo cáo về Đơn vị đầu mỗi trước ngày 30 tháng 6 của năm tiếp sau năm báo cáo;

#### **Điều 16. Trách nhiệm của Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn cung cấp thông tin và thực hiện báo cáo số liệu quy định tại các mẫu từ 5.1 đến 5.7 của Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 17. Trách nhiệm của Đơn vị báo cáo**

1. Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện báo cáo số liệu quy định tại các mẫu từ 1.1 đến 1.16 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Các đơn vị sản xuất điện không thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam thực hiện báo cáo số liệu quy định tại mẫu 1.17 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam; các doanh nghiệp khai thác, kinh doanh than thực hiện báo cáo số liệu quy định tại các mẫu từ 2.1 đến 2.4 của Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện báo cáo số liệu của các đơn vị trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam quy định tại các mẫu từ 3.1 đến 3.15 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

5. Các doanh nghiệp lọc dầu không thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện báo cáo số liệu quy định tại các mẫu từ 3.16 đến 3.18 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

6. Các doanh nghiệp sản xuất xăng và các sản phẩm dầu mỏ từ condensate không thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện báo cáo số liệu quy định tại các mẫu từ 3.19 đến 3.21 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Các doanh nghiệp sản xuất và phối trộn nhiên liệu sinh học không thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện báo cáo số liệu quy định tại các mẫu từ 3.22 đến 3.24 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

8. Các doanh nghiệp sản xuất và phân phối khí CNG không thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thực hiện báo cáo số liệu quy định tại các mẫu từ 3.25 đến 3.27 của Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

9. Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các doanh nghiệp đầu mối kinh doanh xăng dầu thực hiện báo cáo số liệu quy định tại mẫu 4 của Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.



## **Điều 18. Phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin của các Bộ, ngành**

Các Bộ, ngành trong phạm vi chức năng nhiệm vụ của mình, thông qua các hoạt động hợp tác, trao đổi, cung cấp cho Đơn vị đầu mối các nội dung thông tin quy định tại Điều 8 Thông tư này để hình thành và duy trì cơ sở dữ liệu năng lượng đồng bộ và hiệu quả.

## **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2020.

## **Điều 20. Trách nhiệm thi hành**

1. Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Công Thương; Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP. trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng TW và Ban Kinh tế TW;
- Viện KSND tối cao;
- Toà án ND tối cao;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo;
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Công Thương;
- Các Sở Công Thương;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng, các Thứ trưởng các Vụ, Cục, các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, ĐL (10).

**BỘ TRƯỞNG**



**Trần Tuấn Anh**

